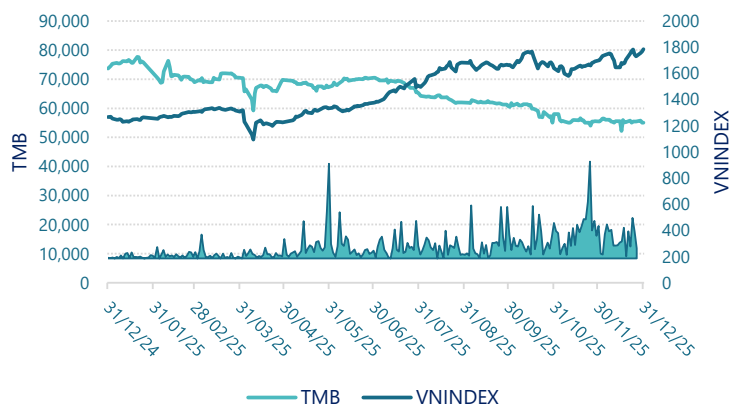


CTCP Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin (HNX: TMB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	55,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	77,681
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	52,200
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,330
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	825
P/E	10.2
EPS	5,382

DT thuần

Q4/25

6,092

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 744 | 13.9%

YoY: ▼ 3,485 | -36.4%

LN sau thuế

Q4/25

7.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.8 | 384%

YoY: ▼ 19.5 | -71.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

0.8%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2025

30,187

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 11,589 | -27.7%

LN sau thuế

2025

80.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 119 | -59.6%

ROE

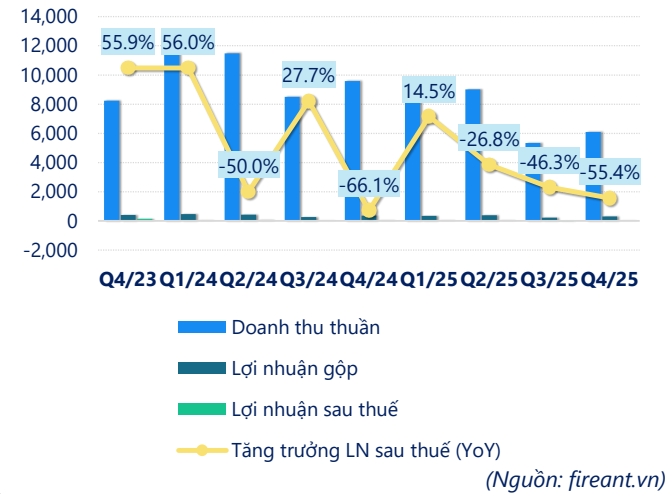
2025

9.4%

+/- YoY: ▼ 16.5%

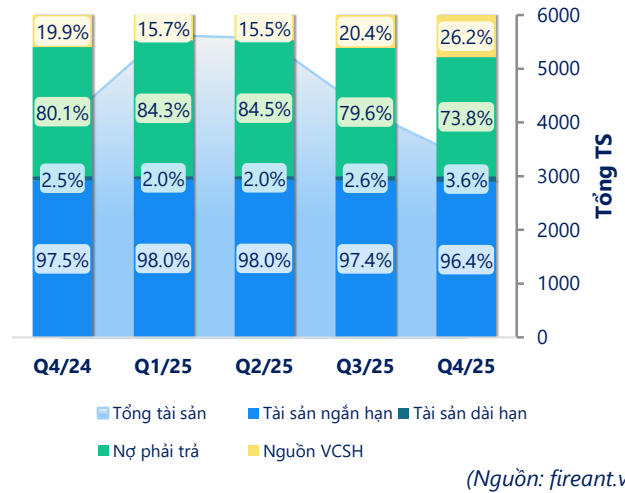
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

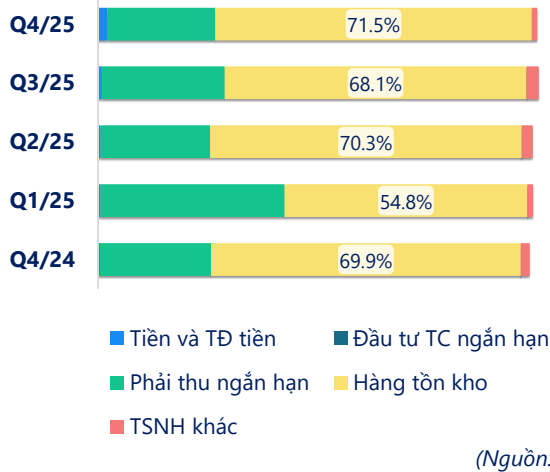


Cơ cấu Tổng tài sản

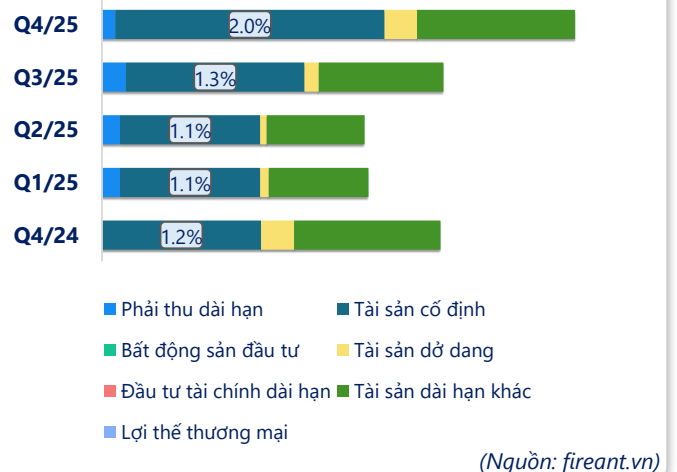
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

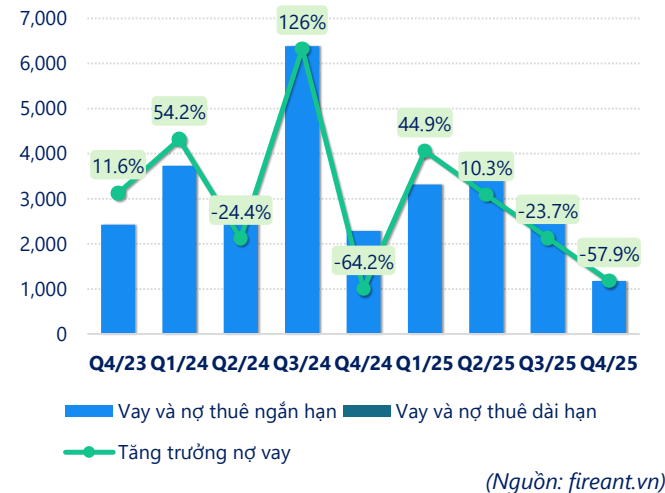


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



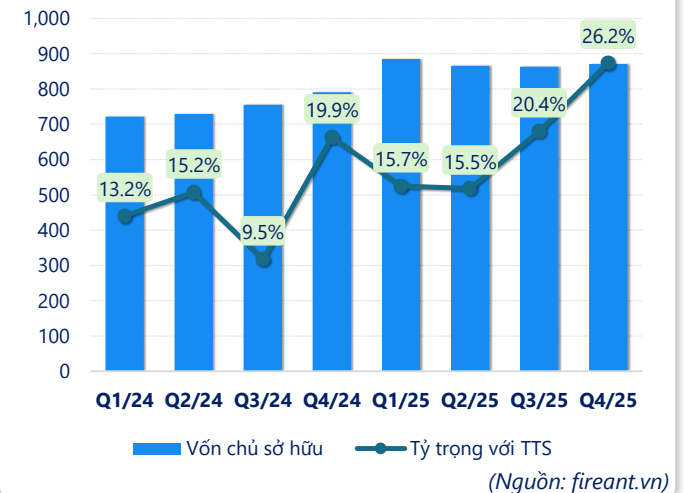
tỷ VNĐ

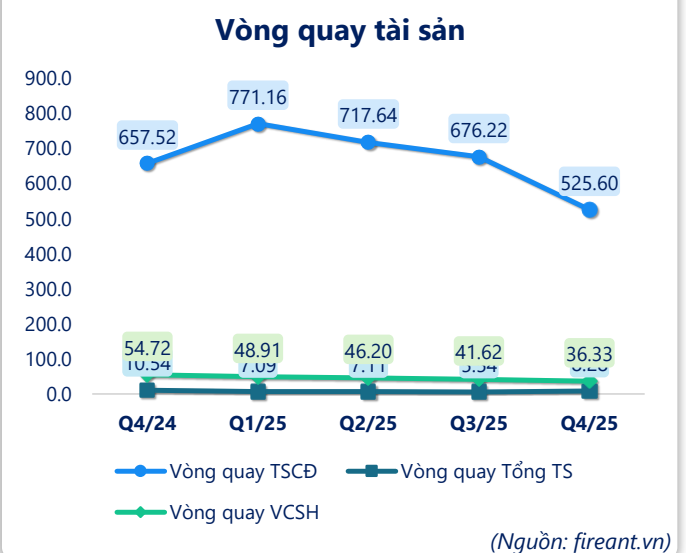
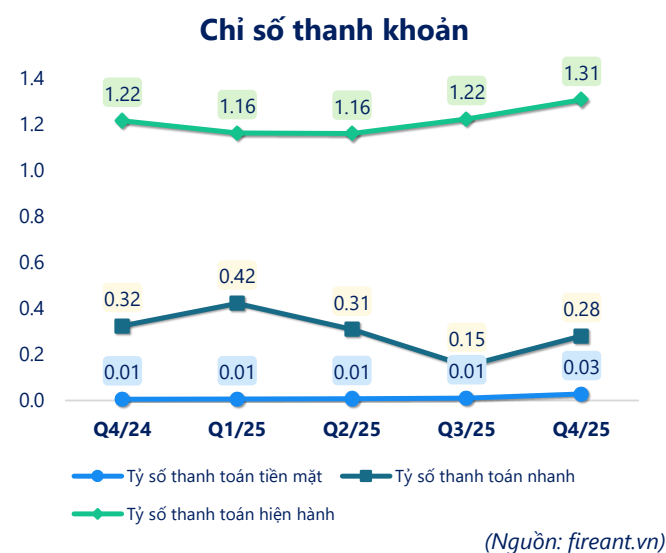
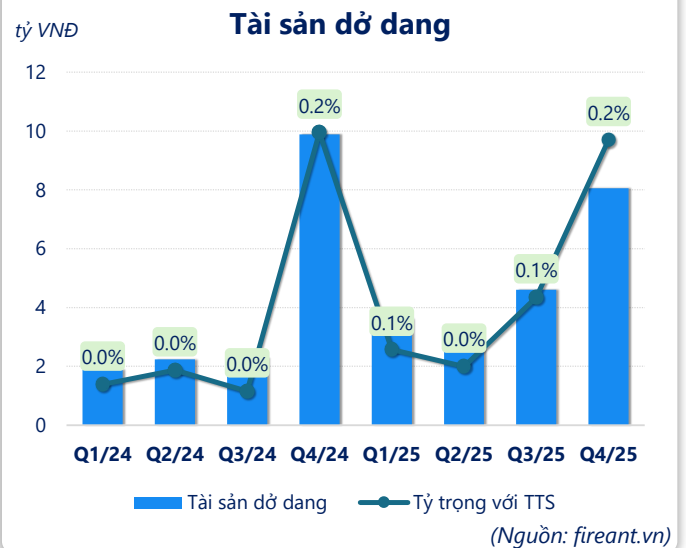
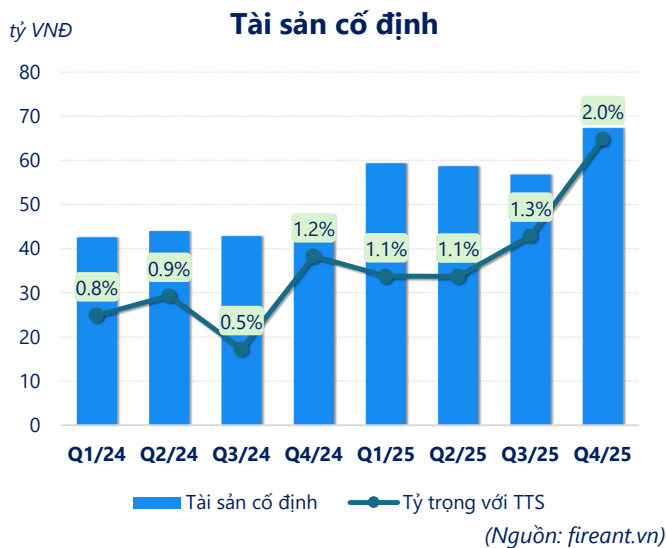
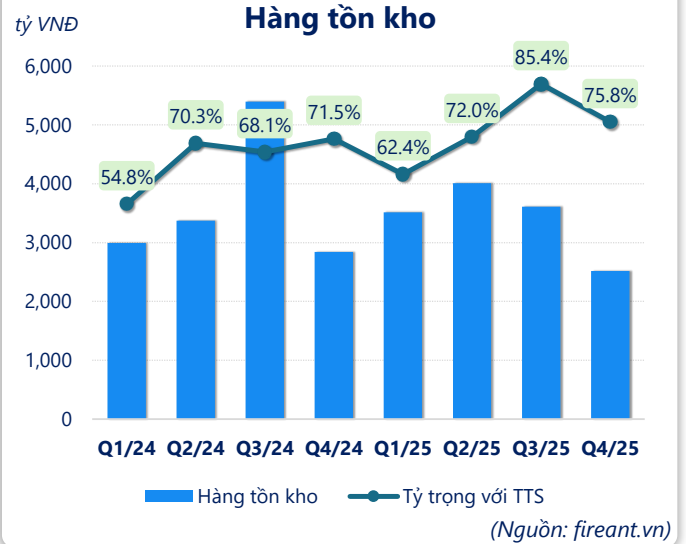
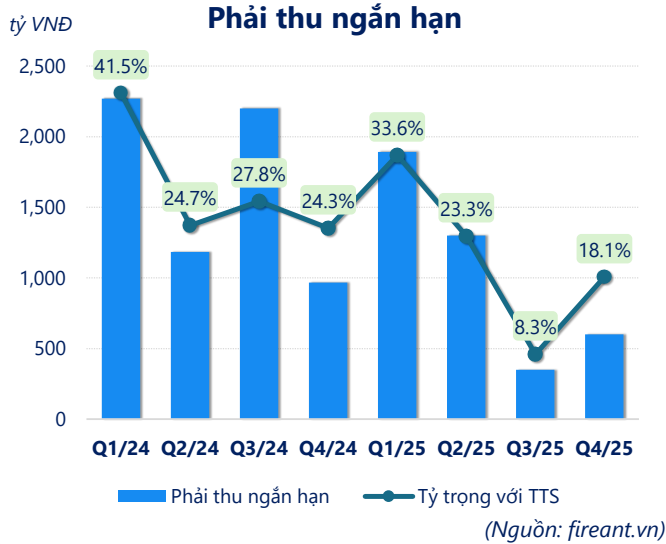
Nợ vay



tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,974	5,626	5,569	4,227	3,320
Tài sản ngắn hạn	3,873	5,513	5,459	4,119	3,202
Tiền và tương đương tiền	17.8	29.9	33.4	34.4	69.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	967	1,892	1,299	349	601
Hàng tồn kho	2,840	3,513	4,008	3,611	2,515
Tài sản ngắn hạn khác	47.8	78.8	119	124	15.7
Tài sản dài hạn	101	113	110	109	118
Phải thu dài hạn	0	7.60	7.60	7.60	3.29
Tài sản cố định	47.5	59.4	58.7	56.8	67.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.88	3.61	2.78	4.60	8.05
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	43.7	42.2	40.9	39.6	39.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3,183	4,741	4,703	3,364	2,449
Nợ ngắn hạn	3,183	4,741	4,703	3,364	2,449
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,286	3,313	3,655	2,787	1,172
Phải trả người bán ngắn hạn	700	1,265	848	342	775
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	791	885	866	863	871
Vốn chủ sở hữu	791	885	866	863	871
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)